TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24- 4 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Lê Thị Chí.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1332/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST- HNGĐ ngày 02/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H; địa chỉ: 35/49A đường T, Phường A, quận B *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đình Đ; địa chỉ: Số I đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 02 tháng 04 năm 2024 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đình Đ tự nguyện chung sống năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống ông H và bà Đ có 01 con chung tên Nguyễn Khiết L; sinh ngày 02/10/2022. Sau khi cưới ông về chung sống bên nhà vợ

khoảng 2 tháng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫu vì không hòa hợp được cách sống, không cùng chia sẻ và thông cảm hiểu nhau. Bên Vợ không đồng ý ông H ở chung nên ông H ra riêng sống đến nay không thể hàn gắn, hòa giải được với gia đình vợ và cô Đ. Yêu cầu Tòa án giải queý6t cho ông H được ý hôn với bà Nguyễn Thị Đình Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Khiết L; sinh ngày 02/10/2022, ông đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. vấp dưỡng cho con ông H tự thỏa thuận với bà Đ.

Tài sản chung: Ông H xác định không có tài sản chung với bà Đ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đình Đ trình bày:

Bà Đ đăng ký kết hôn và chung sống với ông Phạm Ngọc H năm 2022, và thống nhất lời trình bày của ông H, trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫu, không thể hòa giải hàn gắn gia đình đoàn tụ, bà Đ đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khiết L; sinh ngày 02/10/2022.

Về cấp dưỡng cho con: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đơn phương ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại quận G. Căn cứ các Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Đình Đ hiện cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Đ vắng mặt, ông Phạm Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đình Đ tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn được cấp giấy chứng nhận số 42 ngày 14/04/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Đình Đ là có cơ sở được qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà Đ, phát sinh nhiều mâu thuẫn hiện sống ly thân không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa án tiến hành thông báo phiên họp, kiểm tra chứng cứ, đối chất và hòa giải bà Đ xác nhận không còn tha thiết quan tâm đến cuộc hôn nhân, bà Đ1 đồng ý ly hôn với H, nên Hội đồng xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa của ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đình Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đình Đ xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Khiết L; sinh ngày 02/10/2022, ông , bà thống nhất, đồng ý giao trẻ L cho bà Nguyễn Thị Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Đình Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Phạm Ngọc H có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Phạm Ngọc H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Đ.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phạm Ngọc H phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Đình Đ (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 14/4/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Khiết L; sinh ngày 02/10/2022, giao cho bà Nguyễn Thị Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Phạm Ngọc H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bà Đ.

Ông Phạm Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung mà không ai cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm*:*

Ông Phạm Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0018944 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát Q.G;
- Chi cục THA Q.G;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- LưuVP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA